

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/DS-ST
Ngày: 23-6-2022
V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- T3 phần H3 đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Th2

Các H3 thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Rô
2. Ông Dương Quốc Võ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Khánh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải Th1m gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thuý Trang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp về quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXX-ST ngày 02 tháng 6 năm 2022 và Thông báo về việc Th1y đổi thời gian xét xử vụ án số 02/TB-TA ngày 09 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị H sinh năm 1963 (Có mặt)

Địa chỉ ấp N, xã T, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn H1 sinh năm 1953 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã T, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Dương Thị Mộng T sinh năm 1989 (Có đơn xin vắng mặt)

- Bà Dương Thị Hồng P sinh năm 1984 (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Đường Đồng Khởi, phường 3, T3 phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

- Ông Dương Văn Hoàng Asinh năm 1991 (Có đơn xin vắng mặt)

- Ông Dương Hoàng E sinh năm 1994 (Có đơn xin vắng mặt)
 - Ông Dương Th2 T2 sinh năm 1995 (Có đơn xin vắng mặt)
 - Ông Dương Văn T3 sinh năm 1981 (Có đơn xin vắng mặt)
 - Bà Võ Thị Th1, sinh năm 1953 (Có đơn xin vắng mặt)
 - Ông Trần Văn D, sinh năm 1972 (Có đơn xin vắng mặt)
 - Ông Trần Văn Ch, sinh năm 1974 (Có đơn xin vắng mặt)
 - Ông Trần Văn H3, sinh năm 1978 (Có đơn xin vắng mặt)
 - Ông Trần Văn Ng, sinh năm 1982 (Có đơn xin vắng mặt)
 - Ông Trần Văn La, sinh năm 1987 (Có đơn xin vắng mặt)
 - Ông Nguyễn Tuấn Th2, sinh năm 1976 (Có đơn xin vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: ấp N, xã T, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 02 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày như sau:

Bà H và ông Dương Hồng Th4 (đã chết vào năm 2019) có thửa đất 131, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.627m² và thửa đất 132, tờ bản đồ số 2, diện tích 3.847m². Đất tọa lạc ấp N, xã T, thị xã Duyên Hải. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải cấp cho hộ ông Dương Hồng Th4. Nguồn gốc đất là do ông Th4 trước đây có Th1m gia nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia, về không có chỗ ở nên được Nhà nước cấp. Bà H cho rằng trong thời gian sử dụng đất hộ ông H1 sử dụng đất tại thửa 133 lấn sang thửa 132 diện tích 429,9m².

Vì vậy, tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Cụ thể bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc hộ ông Trần Văn H1 trả lại cho bà H phần diện tích đất lấn chiếm là 429,9m² thuộc thửa 132, tờ bản đồ số 2, địa chỉ ấp N, xã T, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị Mộng T, bà Dương Thị Hồng P ông Dương Văn Hoàng Anh, ông Dương Hoàng E ông Dương Th2 T2, ông Dương Văn T3, bà Võ Thị Th1, ông Trần Văn D, ông Trần Văn Ch, ông Trần Văn H3, ông Trần Văn Ng, ông Trần Văn La, ông Nguyễn Tuấn Th2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng người có quyền lợi. nghĩa vụ liên quan không gửi văn bản cho Tòa án nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án thể hiện như sau:

Phần đất tranh chấp theo yêu cầu của bà Phan Thị H có diện tích là 429,9m² thuộc thửa 133, tờ bản đồ số 2 theo tư liệu đo đạc năm 1998; đất tại ấp

Nhà Mát, xã Trường Long Hoà, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Trần Văn H1.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật.
- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và H3 đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và H3 đồng xét xử đã thực hiện đúng các thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Đối với việc chấp hành pháp luật của người Th1m gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung vụ án: trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả hỏi tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề Ng H3 đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H.
- Về kiến Ng khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc đương sự vắng mặt: bị đơn ông Trần Văn H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị Mộng T, bà Dương Thị Hồng P ông Dương Văn Hoàng Anh, ông Dương Hoàng Eông Dương Th2 T2, ông Dương Văn T3, bà Võ Thị Th1, ông Trần Văn D, ông Trần Văn Ch, ông Trần Văn H3, ông Trần Văn Ng, ông Trần Văn La, ông Nguyễn Tuấn Th2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, H3 đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự vắng mặt.

[2] Đối với ông Dương Văn T3 tại phiên tòa làm rõ ông T3 có bệnh về thần kinh nhưng bà H không yêu cầu Tòa án tuyên bố ông T3 hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự mặc dù đã được H3 đồng xét xử giải thích rất rõ ràng. Vì vậy, Tòa án vẫn xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về chứng cứ trong vụ án: Tại phiên tòa, nguyên đơn không giao nộp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ, không yêu cầu Tòa án xác minh, lấy lời khai ai. Vì vậy, H3 đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để xét xử vụ án.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H.

Trên cơ sở xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, H3 đồng xét xử xét thấy như sau: Về quá trình kê khai, đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 132, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc: ấp N, xã T, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh: Theo tư liệu năm 1997 thể hiện thửa 132, tờ bản đồ số 2, ông Tám đăng ký, kê khai và được chính lý T3 tên ông Th4 kê khai diện tích 3.847m². Sau đó, Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử đất cho hộ ông Dương Hồng Th4 tại thửa 132, diện tích 3.847m² vào năm 2003. Theo công văn số 557/UBND-NC ngày 29/12/2017 của Ủy ban

nhân thị xã Duyên Hải có ý kiến: việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Th4 tại thửa 132 là đúng trình tự, thủ tục, đối tượng sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà nguyên đơn bà Phan Thị H khẳng định phần đất bà yêu cầu là thuộc thửa 132, tờ bản đồ số 02 được Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải cấp cho hộ ông Dương Hồng Th4. Tuy nhiên, qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án thể hiện phần đất tranh chấp mà bà H yêu cầu hộ ông Trần Văn H1 trả có diện tích 429,9m² là thuộc thửa 133, tờ bản đồ số 2 (tức là không thuộc thửa 132, tờ bản đồ số 2). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải cấp ngày 29/10/2012 thì thửa 133, tờ bản đồ số 2, diện tích 3.526m², đất tại ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hoà, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh là do ông Trần Văn H1 đứng tên. Còn thửa 132 có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 3.847m² nhưng qua đo đạc hiện trạng thì thửa 132 có diện tích 4.050,7m², trong số diện tích tăng thêm thì có tăng 324m² là do sai ranh với thửa 133 do ông Trần Văn H1 đứng tên. Như vậy, có căn cứ khẳng định hộ ông Trần Văn H1 không sử dụng lấn qua đất của bà H tại thửa 132. Từ đó, H3 đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà H là phù hợp với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên toà.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Không có nên nguyên đơn bà H không phải chịu.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà H không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 26, 27 của Ng quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc H3 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H đòi hộ ông Trần Văn H1 trả đất với diện tích là 429,9m².

- Hộ ông Trần Văn H1 được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích 429,9m² thuộc thửa 133, tờ bản đồ số 2, diện tích 3.526m², đất tại ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hoà, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải cấp cho ông Trần Văn H1 ngày 29/10/2012.

Kích thước, tứ cận đất với diện tích 429,9m² (ký hiệu D) tại thửa 133, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hoà, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh theo Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số: 1038/CN-TXDH ngày 05/10/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (kèm theo Bản án).

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Không có nên bà Phan Thị H không phải chịu.

3. Về án phí: Buộc bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0006273 ngày 09/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Như vậy, bà H đã nộp xong án phí.

4. Nguyên đơn bà Phan Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Trần Văn H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị Mộng T, bà Dương Thị Hồng P ông Dương Văn Hoàng Anh, ông Dương Hoàng Eông Dương Th2 T2, ông Dương Văn T3, bà Võ Thị Th1, ông Trần Văn D, ông Trần Văn Ch, ông Trần Văn H3, ông Trần Văn Ng, ông Trần Văn La, ông Nguyễn Tuấn Th2 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- Chi cục TH1DS TX. Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (9 bản)

**TM. H3 ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Th2